

Bản án số: 36/2021/KDTM-ST

Ngày: 26-11-2021

*“V/v Tranh chấp hợp đồng
Mua bán hàng hóa”*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN CẨM LỆ, THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG**

- Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Phan Văn Cương**

Các Hội thẩm nhân dân: Ông **Trần Đức Hiếu**

Ông **Đặng Văn Khánh**

- Thư ký phiên tòa: Bà **Thị Thị Hoàng Yến** – Thư ký Tòa án nhân dân quận Cẩm Lệ, thành phố Đà Nẵng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Cẩm Lệ tham gia phiên tòa: Bà **Nguyễn Thị Thanh Thúy** – Chức vụ Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 11 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Cẩm Lệ, thành phố Đà Nẵng mở phiên tòa xét xử công khai vụ án Kinh doanh thương mại sơ thẩm thụ lý số 29/2020/TLST-KDTM ngày 08/10/2020 về “*Tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 40/2021/QĐXXST-KDTM ngày 07 tháng 4 năm 2021 và Quyết định hoãn phiên tòa ngày 27/10/2021, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Công ty cổ phần bê tông H (sau đây gọi tắt là Công ty bê Tông H); Địa chỉ trụ sở: Lô B6-5 Khu công nghiệp T, phường H, thành phố T, tỉnh Quảng Nam; Người đại diện theo pháp luật: Ông Ngô Văn L; Chức vụ: Tổng giám đốc. Người đại diện theo ủy quyền: Ông Lê Thái N, sinh năm 1986; Chức vụ: Nhiên viên kế toán Công ty cổ phần Bê tông H; Nơi cư trú: K156/15 đường Phạm Nhữ T, phường H, quận T, TP Đà Nẵng; Địa chỉ liên hệ: 53 đường T, phường H, quận C, TP Đà Nẵng (*Theo giấy ủy quyền số 29 ngày 07/9/2021*). Ông N có mặt tại phiên tòa.

- Bị đơn: Công ty trách nhiệm hữu hạn thương mại đầu tư và phát triển xây dựng V (sau đây gọi tắt là Công ty V); Mã số doanh nghiệp: 01055525..; Địa chỉ trụ sở: Số 26 khu tái định cư Đ, phường M, quận Nam T, thành phố Hà Nội; Địa chỉ liên

hệ: Số nhà 02, ngõ 73 đường H, phường Ô , quận Đ, thành phố Hà Nội. Người đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Quang H; Chức vụ: Giám đốc. Vắng mặt đến lần thứ 2.

Người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp cho bị đơn Công ty trách nhiệm hữu hạn Thương mại đầu tư và phát triển xây dựng V: Luật sư Nguyễn Đức B- Luật sư Công ty luật TNHH Đ thuộc Đoàn Luật sư TP Hà Nội; Địa chỉ: Tầng 6, số nhà 42 T, phường M, quận C, thành phố Hà Nội. Vắng mặt đến lần thứ 2.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

+ **Ngân hàng thương mại cổ phần T** (Sau đây gọi tắt là Ngân hàng T); Địa chỉ trụ sở: Tòa nhà TP, số 57 phố L, phường T, quận H, thành phố Hà Nội. Đại diện theo pháp luật ông Đỗ Minh Ph. Đại diện theo ủy quyền có bà Nguyễn Thị Cúc P, sinh năm 1981; Địa chỉ: Căn hộ số A2-704 tầng 7 nhà O khu ĐTM C, X, TDP V, phường Cổ N, quận B, thành phố Hà Nội và ông Nguyễn Hữu T; Địa chỉ: Số 69 đường T, phường Q, quận Đ, TP Hà Nội (*theo giấy ủy quyền ngày 14/11/2020*). Bà Cúc P có mặt, ông T vắng mặt tại phiên tòa.

Người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp cho Ngân hàng TMCP Tiên Phong có bà Trần Thị Phương T- Luật sư VPLS T thuộc Đoàn Luật sư TP Đà Nẵng; Địa chỉ: Số 102 đường T, quận H, TP Đà Nẵng. Bà T có mặt.

+ **Ban quản lý Dự án đầu tư xây dựng các Công trình Dân dụng và Công nghiệp Đà Nẵng:** Địa chỉ: Số 01 đường T, quận H, TP Đà Nẵng. Vắng mặt

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 13/7/2020, đơn khởi kiện bổ sung đề ngày 01/9/2020 của nguyên đơn Công ty cổ phần bê tông H và bản tự khai ngày 17/11/2021 và tại phiên tòa người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày:

Công ty bê tông H và Công ty trách nhiệm hữu hạn thương mại đầu tư và phát triển xây dựng V có xác lập hợp đồng mua bán số 180/2019/HĐMB-ĐN ngày 14/8/2019, theo đó công ty bê tông H cung cấp bê tông thương phẩm và dịch vụ bơm cho Công ty V tại công trình Nhà ở xã hội tại KCN Hòa Cầm, quận Cẩm Lệ, TP Đà Nẵng.

Để đảm bảo cho việc thanh toán, Công ty V cung cấp cho Công ty bê tông H chứng thư bảo lãnh thanh toán số BG 0000984 ngày 28/8/2019 do Ngân hàng TMCP T – Chi nhánh T phát hành với hạn mức bảo lãnh là 500.000.000 đồng theo đúng thỏa thuận tại Điều 3.3 của Hợp đồng.

Thực hiện hợp đồng, Công ty bê tông H đã thực hiện cung cấp bê tông cho Công ty V tại công trình từng đợt theo đúng yêu cầu của Công ty V. Đồng thời, Công ty bê

tông H cũng đã thực hiện nghĩa vụ xuất hóa đơn tài chính cho Công ty V tương ứng với giá trị thanh toán từng đợt. Cụ thể, từ ngày 01/8/2019 Công ty Bê tông H đã cung cấp bê tông cho Công ty V với tổng khối lượng là 2.008,5m³, tương đương trị giá 2.194.190.000 đồng.

Tại biên bản đối chiếu công nợ từ ngày 01/10/2019 đến ngày 31/12/2019, Công ty V xác nhận tính đến hết ngày 31/12/2019 còn nợ công ty Bê tông H số tiền 613.510.000 đồng. Đồng thời, tại thư xác nhận công nợ ngày 02/01/2020 Công ty V một lần nữa xác nhận số nợ như trên. Tuy nhiên, với tư cách là bên mua Công ty V đã không thực hiện nghĩa vụ thanh toán tiền đầy đủ cho Công ty bê tông H đúng như đã thỏa thuận trong hợp đồng. Tính đến nay Công ty V còn nợ công ty bê tông H số tiền 536.130.000 đồng.

Như vậy, theo hợp đồng với trách nhiệm của bên bán đã được Công ty bê tông H thực hiện xong. Với tư cách bên mua, Công ty V đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán như đã cam kết tại Điều 3.2.2 của Hợp đồng. Căn cứ Điều 3.3 của hợp đồng và Bảo lãnh thanh toán số BG 0000984 ngày 28/8/2019, công ty bê tông H đã có văn bản số 61/CV-HCC-TCKT ngày 25/2/2020 và Văn bản số 123/CV-HCC-TCKT ngày 17/3/2020 gửi TPBank T để yêu cầu thực hiện nghĩa vụ của người bảo lãnh. Sau khi gửi Công văn yêu cầu, TP Bank T không có bất cứ phản hồi gì đối với yêu cầu của chúng tôi. Vì vậy, chúng tôi tiếp tục có Công văn số 123/CV-HCC-TCKT ngày 17/3/2020 và Luật sư đại diện chúng tôi cũng có công văn số 09/CV-PL ngày 7/4/2020 và Công văn số 10/CV-PL ngày 24/4/2020 gửi TPBank T đề nghị thực hiện nghĩa vụ của người bảo lãnh. Trong suốt thời gian này, TPBank T không thực hiện nghĩa vụ và cũng không có bất kỳ văn bản nào phúc đáp cho chúng tôi. Gần 3 tháng sau, TPBank mới có thông báo số 01/2020 ngày 20/5/2020 về việc từ chối thực hiện bảo lãnh với lý do chúng tôi không cung cấp đầy đủ hồ sơ theo yêu cầu của thư bảo lãnh là thiếu trách nhiệm, thiếu thiện chí, cố tình kéo dài thời gian thanh toán, vi phạm nghĩa vụ người bảo lãnh.

Nay chúng tôi yêu cầu Tòa án giải quyết: Buộc công ty V phải trả cho chúng tôi nợ gốc và lãi chậm thanh toán với tổng số tiền 560.255.850 đồng. Trong đó bao gồm: 536.130.000 đồng tiền gốc; Về tiền lãi chậm thanh toán, tại đơn khởi kiện và quá trình tố tụng nguyên đơn yêu cầu bị đơn phải chịu khoản tiền lãi chậm thanh toán tạm tính từ tháng 01/2020 đến tháng 06/2020 (06 tháng), với mức lãi suất áp dụng là 0,75%/tháng (9%/năm) với tổng số tiền lãi chậm thanh toán là 24.125.850 đồng. Tại phiên tòa đại diện nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu về số tiền lãi chậm thanh toán là 24.125.850 đồng nhưng thời gian tính lãi chậm thanh toán nguyên đơn yêu cầu tính lãi trong vòng 06 tháng tính từ ngày 20/3/2020 đến ngày 20/9/2020.

Nếu công ty V không chịu thanh toán số tiền trên thì đề nghị Tòa án buộc Ngân hàng T thực hiện nghĩa vụ người bảo lãnh, thanh toán số tiền 500.000.000 đồng. Công ty V phải thanh toán số tiền nợ gốc và nợ lãi quá hạn còn lại.

Quá trình thụ lý giải quyết vụ án, Tòa án đã có văn bản gửi Phòng đăng ký kinh doanh – Sở kế hoạch đầu tư thành phố Hà Nội xác minh về tình trạng hoạt động của Công ty V. Theo văn bản số 3448/CCTT-ĐKKD ngày 13/11/2020 của Phòng đăng ký kinh doanh – Sở kế hoạch đầu tư TP Hà Nội xác định: Công ty trách nhiệm hữu hạn thương mại đầu tư và phát triển xây dựng V; Mã doanh nghiệp: 01055525..; Địa chỉ trụ sở: Số 26 khu tái định cư Đ, phường M, quận N, thành phố Hà Nội. Người đại diện theo pháp luật là ông Nguyễn Quang H; chức vụ: Giám đốc công ty; Tình trạng hoạt động: Đang hoạt động.

Tòa án nhân dân quận Cẩm Lệ đã gửi Thông báo thụ lý, thông báo về phiên họp tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; Quyết định đưa vụ án ra xét xử; Quyết định hoãn phiên tòa cho các đương sự theo quy định của pháp luật. Tuy nhiên Công ty V vẫn không tham gia các phiên hòa giải, không tham gia phiên tòa. Công ty V nhiều lần có văn bản đề nghị gia hạn. Tại văn bản “*đề nghị hòa giải*” ngày 17/5/2021, Công ty V thừa nhận còn nợ Công ty bê tông H số tiền 536.130.000 đồng, tuy nhiên do ảnh hưởng của dịch bệnh Covid-19 nên công ty không đủ khả năng tài chính thanh toán một lần số tiền trên mà đề nghị thanh toán thành 05 đợt, đợt đầu vào ngày 30/8/2021, đợt cuối vào ngày 30/12/2021, tuy nhiên đến nay Công ty V vẫn chưa thanh toán số tiền trên cho Công ty bê tông H.

Theo văn bản số 2651 ngày 23/10/2020 của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Ngân hàng TMCP T và bản tự khai ngày 17/11/2020 cũng như tại phiên tòa bà Nguyễn Thị Cúc P đại diện theo ủy quyền của Ngân hàng TMCP T trình bày: Căn cứ hợp đồng số B180/2019/HĐMB-ĐN ngày 14/8/2019, theo đề nghị của bên được bảo lãnh là Công ty TNHH thương mại đầu tư và phát triển xây dựng V, Ngân hàng TMCP T đã phát hành thư bảo lãnh thanh toán số BG 0000984 ngày 28/8/2019, bảo lãnh thanh toán cho Công ty V với số tiền là 500 triệu đồng. Theo đơn khởi kiện và tại phiên tòa nguyên đơn Công ty bê tông H yêu cầu Tòa án buộc bị đơn công ty V phải thanh toán cho Công ty bê tông H tổng số tiền 560.255.850 đồng. Trường hợp công ty V không thanh toán được nợ cho Công ty bê tông H thì yêu cầu Tòa án buộc Ngân hàng TMCP T thực hiện nghĩa vụ bảo lãnh, thanh toán cho Công ty bê tông H số tiền 500 triệu đồng. Ngân hàng TMCP T cho rằng phía Công ty bê tông H đã không thực hiện đúng và đầy đủ theo quy định tại Thư bảo lãnh, cụ thể:

Công ty bê tông H không gửi yêu cầu về đúng địa chỉ đã nêu trong thư bảo lãnh của TPBank; Công ty bê tông H không có hồ sơ, tài liệu, chứng từ hợp pháp, hợp lệ

chứng minh Công ty V vi phạm nghĩa vụ thanh toán của họ theo hợp đồng; Các điều kiện còn thiếu không được Công ty bê tông H bổ sung đầy đủ trong thời hạn có hiệu lực của Thư bảo lãnh. Do đó, căn cứ Thông tư 07/2015/TT-NHNN quy định về bảo lãnh ngân hàng, căn cứ nội dung, điều kiện đã cam kết tại Thư bảo lãnh, đề nghị Hội đồng xét xử bác một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc yêu cầu Ngân hàng TMCP T thực hiện nghĩa vụ bảo lãnh thanh toán cho nguyên đơn số tiền 500 triệu đồng.

Tại văn bản số 1276 ngày 25/6/2021 của Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng các công trình dân dụng và công nghiệp có ý kiến cho rằng: Ngày 05/3/2020, căn cứ vào văn bản đề nghị số 43/CV-CTY của Công ty V, Ban quản lý và công ty V đã ký Phụ lục hợp đồng số 42/PLHĐ03/HĐ190, trong đó có nội dung ủy quyền cho Ban quản lý thanh toán cho các nhà thầu phụ và các nhà cung cấp vật tư, thiết bị công trình Nhà ở công nhân khu công nghiệp Hòa Cầm (GDD1) trong mỗi đợt thanh toán và sau khi hồ sơ quyết toán được duyệt. Trong danh sách nhà thầu phụ và các nhà cung cấp vật tư, thiết bị có Công ty cổ phần bê tông H. Ngày 20/5/2021, căn cứ vào văn bản đề nghị số 35/CV-CTY của Công ty V, Ban quản lý và Công ty V đã ký phụ lục hợp đồng số 109/PLHĐ03/HĐ190, trong đó có nội dung chấm dứt hiệu lực thực hiện PLHĐ số 42/PLHĐ03/HĐ190 ngày 05/3/2020 về việc thanh toán hợp đồng kể từ ngày 01/6/2021. Như vậy, Ban quản lý đã không còn nghĩa vụ, quyền lợi trong vụ án “Tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa” giữa Công ty bê tông H và Công ty V.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Cẩm Lệ phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, HĐXX, thư ký phiên tòa: Quá trình thụ lý giải quyết vụ án Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Việc tuyên thủ pháp luật tố tụng của người tham gia tố tụng: Từ khi thụ lý vụ án cũng như tại phiên tòa hôm nay các đương sự chưa thực hiện đúng các quy định tại Điều 70, 72, 73 BLTTDS, cụ thể: Bị đơn không tham gia phiên hòa giải ngày 17/11/2020, ngày 04/12/2020, ngày 01/02/2021 và ngày 05/3/2021; Ngân hàng Tiên Phong không tham gia phiên hòa giải ngày 04/12/2020, ngày 01/02/2021 và ngày 05/3/2021; Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng các công trình dân dụng và công nghiệp Đà Nẵng vắng mặt ngày 01/02/2021.

Về nội dung tranh chấp: Căn cứ Điều 24, Điều 50, Điều 306 Luật thương mại 2019; Điều 335, Điều 357, Điều 430, Điều 440, Điều 468 BLDS, đề xuất Hội đồng xét xử:

Chấp nhận một phần yêu cầu của Công ty cổ phần bê tông Hòa C: Buộc công ty trách nhiệm hữu hạn thương mại đầu tư và phát triển xây dựng V phải trả cho công ty

cổ phần bê tông H số tiền nợ gốc là: 536.130.000 đồng và số tiền lãi chậm trả tính trong vòng 06 tháng, từ ngày 20/3/2020 đến ngày 20/9/2020 với lãi suất 9%/năm đối với số tiền nợ gốc 536.130.000 đồng là 24.125.850 đồng.

Không chấp nhận phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc yêu cầu người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan Ngân hàng TMCP T thực hiện nghĩa vụ bảo lãnh thanh toán cho nguyên đơn số tiền 500 triệu đồng.

Về án phí: Bị đơn phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh luận tại phiên tòa và những tình tiết của vụ án, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Về quan hệ tranh chấp: Đây là vụ án tranh chấp phát sinh từ hợp đồng mua bán hàng hóa là bê tông thương phẩm và dịch vụ bơm giữa các bên đương sự là tổ chức có đăng ký kinh doanh và đều vì mục đích lợi nhuận. Vì vậy, đây là tranh chấp về Kinh doanh thương mại theo quy định tại khoản 1 Điều 30 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1.2] Về thẩm quyền giải quyết: Theo quy định tại Điều 6, mục 6.3 của Hợp mua bán giữa Công ty bê tông H và Công ty V các bên đã thỏa thuận “... *trong trường hợp hai bên không tự giải quyết được thì tranh chấp sẽ được đưa ra Tòa án có thẩm quyền tại quận Cẩm Lệ, thành phố Đà Nẵng để giải quyết...*”, Cẩm lệ cũng là nơi thực hiện hợp đồng. Do đó, Tòa án nhân dân quận Cẩm Lệ thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền quy định tại điểm g khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1.3] Về sự vắng mặt của bị đơn, người bảo vệ quyền lợi ích hợp pháp của bị đơn; người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan: Bị đơn Công ty V; người bảo vệ quyền lợi ích hợp pháp của bị đơn; người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng các công trình dân dụng và công nghiệp đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ 2 nhưng vẫn vắng mặt không có lý do. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 và Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vụ án vắng mặt bị đơn, người bảo vệ quyền lợi ích hợp pháp của bị đơn và người liên quan.

[2] Về nội dung tranh chấp: Tại phiên tòa đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn Công ty bê tông H giữ nguyên nội dung yêu cầu khởi kiện. Yêu cầu Tòa án buộc Công ty V phải trả cho Công ty bê tông H nợ gốc và lãi chậm thanh toán với tổng số tiền 560.255.850 đồng. Trong đó bao gồm nợ gốc: 536.130.000 đồng và nợ lãi chậm thanh toán trong 06 tháng tính từ ngày 20/3/2020 đến ngày 20/9/2020, với mức lãi suất áp dụng là 0,75%/tháng (9%/năm) với tổng số tiền lãi chậm thanh toán là 24.125.850

đồng. Nếu công ty V không chịu thanh toán số tiền trên thì đề nghị Tòa án buộc Ngân hàng TMCP T thực hiện nghĩa vụ người bảo lãnh, thanh toán số tiền 500 triệu đồng. Công ty V phải thanh toán số tiền nợ gốc và nợ lãi quá hạn còn lại.

Tại phiên tòa bị đơn vắng mặt, theo đơn “*đề nghị hòa giải*” ngày 17/5/2021, Công ty V thừa nhận còn nợ Công ty bê tông H số tiền 536.130.000 đồng, tuy nhiên do ảnh hưởng của dịch bệnh Covid-19 nên công ty không đủ khả năng tài chính thanh toán một lần số tiền trên mà đề nghị thanh toán thành 05 đợt, đợt đầu vào ngày 30/8/2021, đợt cuối vào ngày 30/12/2021, tuy nhiên đến nay Công ty V vẫn chưa thanh toán số tiền trên cho Công ty bê tông H.

Ngân hàng TMCP T đề nghị Hội đồng xét xử bác một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc yêu cầu Tòa án buộc Ngân hàng TMCP T thực hiện nghĩa vụ theo Thư bảo lãnh, thanh toán cho Công ty bê tông H số tiền 500 triệu đồng.

Xét yêu cầu của đương sự, trên cơ sở xem xét ý kiến, trình bày của các đương sự trong suốt quá trình thụ lý, giải quyết vụ án, quan điểm của đại diện Viện kiểm sát cùng các tài liệu chứng cứ có tại hồ sơ vụ án, Hội đồng xét xử thấy rằng:

[2.1] Xét tính pháp lý của Hợp đồng mua bán giữa công ty bê tông H và công ty V: Hợp đồng mua bán số 180/2019/HĐMB-ĐN ngày 14/8/2019, được người đại diện theo pháp luật của Công ty bê tông Hòa Cầm và Công ty V ký kết trên cơ sở tự nguyện, xuất phát từ ý chí của các bên giao kết, vì mục đích tìm kiếm lợi nhuận. Nội dung và mục đích của hợp đồng không vi phạm pháp luật và đạo đức xã hội. Vì vậy, hợp đồng có đầy đủ điều kiện có hiệu lực theo quy định tại Điều 117 Bộ luật Dân sự, Điều 24 Luật thương mại, được pháp luật bảo vệ.

[2.2] Xét yêu cầu của nguyên đơn Công ty bê tông H về việc buộc công ty Vinalife phải thanh toán số tiền gốc 536.130.000 đồng, Hội đồng xét xử xét thấy:

Ngày 14/8/2019, công ty V ký kết hợp đồng mua bán hàng hóa số 180/2019/HĐMB-ĐN với Công ty bê tông H mua bê tông thương phẩm và dịch vụ bơm cho công trình Nhà ở xã hội tại KCN Hòa Cầm, quận Cẩm Lệ, Đà Nẵng. Quá trình thực hiện hợp đồng, công ty bê tông H đã cung cấp hàng hóa và dịch vụ theo yêu cầu của Công ty V nhưng Công ty V chưa thực hiện nghĩa vụ thanh toán cho Công ty bê tông H theo thỏa thuận, cụ thể: Theo biên bản đối chiếu công nợ ngày 31/12/2019, thì công ty V xác nhận còn nợ công ty bê tông H số tiền 613.510.000 đồng. Sau khi đối chiếu công nợ, vào ngày 31/01/2020 công ty bê tông H đã xuất hóa đơn GTGT với số tiền 75.470.000 đồng và vào ngày 29/02/2020 xuất hóa đơn GTGT với số tiền 13.150.000 đồng theo đúng khối lượng bê tông đã ký kết trước đó. Do đó, ngoài số tiền đã được đối chiếu công nợ ngày 31/12/2019 thì công ty V còn nợ công ty bê tông H tiền hàng theo 02 hóa đơn trên là 75.470.000 đồng + 13.150.000 đồng = 88.620.000 đồng, tổng cộng là 702.130.000 đồng. Tại bản đối chiếu công nợ từ ngày 01/8/2019

đến ngày 30/6/2020 (công ty V không ký), công ty bê tông H xác định công ty Vinalife đã thanh toán số tiền 166.000.000 đồng, số tiền còn lại Công ty V chưa thanh toán là cho Công ty bê tông H là 702.130.000 đồng - 166.000.000 đồng = 536.130.000 đồng. Tại “*đề nghị hòa giải*” ngày 17/5/2021, Công ty V cũng thừa nhận còn nợ Công ty bê tông H số tiền 536.130.000 đồng tiền gốc chưa thanh toán. Theo quy định tại điểm 3.2.1 và 3.2.2 Điều 3 hợp đồng thì hóa đơn GTGT được xuất cuối tháng và là cơ sở để công ty V thanh toán trong vòng 15 ngày, tuy nhiên từ ngày 29/02/2020 (ngày xuất hóa đơn cuối cùng) đến nay công ty V vẫn chưa thanh toán khoản tiền hàng này cho công ty bê tông H. Do đó, nguyên đơn Công ty bê tông H khởi kiện yêu cầu công ty V phải trả cho công ty bê tông H số tiền gốc 536.130.000 đồng là có cơ sở, Hội đồng đồng xét xử chấp nhận.

[2.3] Xét yêu cầu của nguyên đơn Công ty bê tông H về việc yêu cầu bị đơn Công ty V thanh toán tiền lãi chậm trả với tổng số tiền lãi chậm thanh toán là 24.125.850 đồng, Hội đồng xét xử thấy:

Tại đơn khởi kiện và quá trình tố tụng, nguyên đơn công ty bê tông H yêu cầu Công ty Vinalife thanh toán tiền lãi chậm trả **tạm tính** từ tháng 01/2020 đến tháng 6/2020, tại phiên tòa đại diện nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu về số tiền lãi chậm thanh toán là 24.125.850 đồng, nhưng thời gian tính lãi chậm trả trong vòng 06 tháng tính từ ngày 20/3/2020 đến ngày 20/9/2020. Xét thấy theo nội dung hợp đồng thì công ty V có nghĩa vụ thanh toán trong vòng 15 ngày kể từ khi công ty bê tông H xuất hóa đơn vào cuối mỗi tháng, trong vòng 5 ngày tiếp theo thì tất cả các khoản thanh toán chậm phải trả lãi suất theo lãi suất cho vay ngắn hạn của ngân hàng bên B (Công ty bê tông H). Sau khi đối chiếu công nợ ngày 31/12/2019, công ty V thanh toán tiền và công ty bê tông H tiếp tục cung cấp bê tông đến ngày 29/02/2020. Kể từ ngày 29/02/2020 thì công ty bê tông H không cung cấp bê tông và công ty V cũng không thanh toán các khoản nợ còn lại cho công ty bê tông H. Số tiền gốc Công ty V còn nợ công ty bê tông H là 536.130.000 đồng như đã nhận định ở trên, tính đến ngày xét xử hôm nay ngày 26/11/2021 Công ty V vẫn chưa thanh toán cho công ty bê tông H. Như vậy, về thời gian tính lãi, công ty bê tông H chỉ yêu cầu tính lãi chậm thanh toán trong 06 tháng tính từ ngày 20/3/2020 đến ngày 20/9/2020 là có lợi cho công ty V nên có cơ sở để chấp nhận. Về mức lãi suất, theo hợp đồng thì công ty V phải chịu lãi chậm trả theo lãi suất cho vay ngắn hạn của ngân hàng bên B (Công ty H). Việc quy định lãi suất tại hợp đồng là chưa rõ ràng. Căn cứ Điều 306 Luật thương mại thì lãi suất của liên ngân hàng được xác định là 12%/năm, Công ty bê tông H yêu cầu công ty V phải trả lãi suất 9%/năm (0,75%/tháng) thấp hơn lãi suất của liên ngân hàng. Do đó, có đủ cơ sở chấp nhận về mức lãi để làm căn cứ tính lãi chậm thanh toán. Như vậy, Hội đồng xét xử có cơ sở chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn công ty bê tông H về việc buộc công ty V phải chịu khoản tiền lãi chậm trả đối với số tiền gốc chưa thanh toán là 536.130.000 đồng, với mức lãi suất 09%/năm trong vòng 06 tháng (từ ngày 20/3/2020

đến ngày 20/9/2020) với số tiền là 24.125.850 đồng (*cụ thể: 536.130.000 đồng x 0,75% x 06 (tháng) = 24.125.850 đồng*).

Như vậy, tổng số tiền Hội đồng xét xử chấp nhận buộc bị đơn công ty V phải thanh toán cho nguyên đơn công ty bê tông H là 560.255.850 đồng. Trong đó bao gồm nợ gốc: 536.130.000 đồng và nợ lãi chậm thanh toán là 24.125.850 đồng.

[2.4] Xét yêu cầu của nguyên đơn công ty bê tông H về việc yêu cầu người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Ngân hàng TMCP T thực hiện nghĩa vụ người bảo lãnh, thanh toán số tiền 500.000.000 đồng cho công ty bê tông H, Hội đồng xét xử xét thấy:

Theo nội dung hợp đồng và Thư bảo lãnh thì thấy ngân hàng TMCP T nhận bảo lãnh thanh toán cho người được bảo lãnh là công ty V với số tiền 500 triệu đồng trong trường hợp công ty V không thực hiện nghĩa vụ thanh toán theo hợp đồng 180, thời hạn 6 tháng kể từ ngày 28/8/2019 đến hết ngày 28/02/2020 với điều kiện: Thư bảo lãnh còn hiệu lực; Ngân hàng nhận được yêu cầu của công ty Bê tông H và bản gốc thư bảo lãnh; Ngân hàng nhận được các hồ sơ, chứng từ hợp lệ chứng minh công ty V vi phạm nghĩa vụ thanh toán; Bất cứ yêu cầu nào liên quan đến bảo lãnh này đều phải được ký hợp lệ bởi người có thẩm quyền.

Vào ngày 25/02/2020, công ty bê tông H có công văn số 61 yêu cầu ngân hàng T thanh toán khoản nợ 500 triệu đồng do công ty Vinalife vi phạm nghĩa vụ thanh toán, kèm theo văn bản yêu cầu thanh toán Công ty bê tông H gửi các tài liệu gồm: Hợp đồng số 180; biên bản đối chiếu công nợ từ ngày 01/8/2019 đến ngày 31/01/2020 (*chỉ có mình công ty bê tông H ký*); bản gốc Thư bảo lãnh. Công văn yêu cầu và tài liệu kèm theo được gửi đến địa chỉ 17 Duy Tân, quận C, thành phố Hà Nội (*không phải địa chỉ ghi trên Thư bảo lãnh*). Mặc dù công ty bê tông H gửi công văn đến ngân hàng không đúng địa chỉ theo chứng thư nhưng vào ngày 25/02/2020, Ngân hàng TMCP T Chi nhánh T đã nhận được công văn này nên việc ngân hàng có ý kiến về việc công ty bê tông H không gửi đúng địa chỉ ghi trên Thư bảo lãnh là không có cơ sở chấp nhận. Tuy nhiên về các tài liệu công ty bê tông H đã gửi cho ngân hàng ngoài văn bản yêu cầu thanh toán, hợp đồng và Thư bảo lãnh bản gốc thì chỉ có bản đối chiếu công nợ từ ngày 01/8/2019 đến ngày 31/01/2020 nhưng không có chữ ký của công ty V. Ngoài bản đối chiếu công nợ ngày 31/01/2020 thì công ty bê tông H không cung cấp các chứng từ gì khác thể hiện việc công ty V vi phạm nghĩa vụ thanh toán để yêu cầu ngân hàng thực hiện nghĩa vụ bảo lãnh thanh toán. Mặc dù trong hợp đồng thể hiện sau 02 ngày kể từ khi đối chiếu công nợ, nếu công ty V không có ý kiến bằng văn bản thì xem như đã thống nhất với bản đối chiếu công nợ. Tuy nhiên, khi cung cấp bản đối chiếu công nợ ngày 31/01/2020, công ty bê tông H không cung cấp chứng cứ chứng minh đã giao bản đối chiếu công nợ cho công ty V chưa và đã giao vào thời gian nào cho Ngân hàng kèm theo yêu cầu thanh toán. Đến ngày 22/6/2020, Ngân hàng xác định, công ty cung cấp thêm biên bản xác định khối lượng bê tông nhưng không có

chữ ký người mua hàng và hóa đơn giá trị gia tăng không phải bản gốc và cũng đã hết hạn Thư bảo lãnh.

Công ty bê tông H cho rằng công ty đã gửi yêu cầu thanh toán từ ngày 25/02/2020 nhưng ngân hàng không có phản hồi đã thiếu những chứng từ gì để công ty bổ sung là thiếu thiện chí, trốn tránh nghĩa vụ thanh toán tiền. Tuy nhiên xét nội dung Thư bảo lãnh và Thông tư 07 ngày 25/6/2015 của Ngân hàng nhà nước Việt Nam quy định về bảo lãnh ngân hàng thì không có bất cứ nội dung nào thể hiện Ngân hàng phải thông báo cho Công ty bê tông H biết phải bổ sung các chứng từ nào, việc cung cấp hồ sơ, tài liệu chứng minh công ty V vi phạm nghĩa vụ thanh toán là nghĩa vụ của công ty bê tông H. Mặt khác công ty bê tông H cũng không có văn bản về việc yêu cầu ngân hàng giải thích việc không đồng ý thanh toán trong thời hạn bảo lãnh (đến ngày 28/02/2020) hoặc trong thời hạn thanh toán bảo lãnh theo yêu cầu (đến ngày 01/3/2020). Ngoài ra, công ty bê tông H còn cho rằng khi Ngân hàng làm việc với công ty V thì V đã không trung thực cho rằng chưa nhận được hóa đơn giá trị gia tăng nên chưa thanh toán và sẽ làm việc thanh toán với công ty bê tông H. Về nội dung này, theo nội dung Thư bảo lãnh thì Ngân hàng cũng không có nghĩa vụ phải chứng minh việc vi phạm nghĩa vụ thanh toán của Công ty V, nghĩa vụ chứng minh vi phạm nghĩa vụ thanh toán là của Công ty bê tông H.

Từ những căn cứ nêu trên, Hội đồng xét xử thấy không có cơ sở chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn công ty bê tông H về việc buộc người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Ngân hàng TMCP T phải thực hiện nghĩa vụ theo Thư bảo lãnh, thanh toán cho Công ty bê tông H số tiền 500 triệu đồng.

[3] Về án phí kinh doanh thương mại:

Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn đối với bị đơn được chấp nhận, do đó bị đơn phải chịu án phí KDTM sơ thẩm là 26.410.234 đồng.

Hoàn trả cho nguyên đơn công ty cổ phần bê tông H số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH

I. Căn cứ vào:

Khoản 1 Điều 30; điểm b khoản 1 Điều 35; điểm b khoản 1 Điều 39; Điều 227; Điều 228; Điều 271; Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

Điều 24, Điều 50, Điều 306 Luật thương mại;

Điều 335, Điều 357; Điều 430, Điều 440; Điều 468 Bộ luật Dân sự;

Nghị quyết 326/2016 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Công ty cổ phần bê tông H đối với Công ty trách nhiệm hữu hạn thương mại đầu tư và phát triển xây dựng V về việc “*Tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa*”.

II. Tuyên xử:

1. Buộc Công ty trách nhiệm hữu hạn thương mại đầu tư và phát triển xây dựng V phải có nghĩa vụ thanh toán cho Công ty cổ phần bê tông H tổng số tiền là 560.255.850 đồng (*Năm trăm sáu mươi triệu, hai trăm năm mươi lăm nghìn, tám trăm năm mươi đồng*). Trong đó bao gồm:

+ Nợ gốc là: 536.130.000 đồng (*Năm trăm ba mươi sáu triệu, một trăm ba mươi nghìn đồng*).

+ Nợ lãi chậm thanh toán là: 24.125.850 đồng (*hai mươi bốn triệu, một trăm hai mươi lăm nghìn, tám trăm năm mươi đồng*)

2. Về nghĩa vụ chậm thi hành án: Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357 và Điều 468 Bộ luật Dân sự 2015.

3. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Công ty cổ phần bê tông H về việc yêu cầu người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Ngân hàng TMCP T phải thực hiện nghĩa vụ bảo lãnh, thanh toán cho công ty cổ phần bê tông H số tiền 500 triệu đồng, trong trường hợp bị đơn Công ty trách nhiệm hữu hạn thương mại đầu tư và phát triển xây dựng V không thanh toán được các khoản nợ nêu trên.

4. Về án phí: Công ty trách nhiệm hữu hạn thương mại đầu tư và phát triển xây dựng Vinalife phải chịu 26.410.234 đồng (*hai mươi sáu triệu, bốn trăm mười nghìn, hai trăm ba mươi tư đồng*) án phí Kinh doanh thương mại sơ thẩm.

Hoàn trả cho nguyên đơn Công ty cổ phần bê tông H số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 13.205.117 đồng (*Mười ba triệu, hai trăm lẻ năm nghìn, một trăm mười bảy đồng*) theo biên lai thu số 0001353 ngày 06/10/2020 của Chi cục thi hành án dân sự quận Cẩm Lệ.

5. Về quyền kháng cáo: Án xử sơ thẩm, báo cho nguyên đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có mặt tại phiên tòa biết có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án hôm nay. Riêng bị đơn, người có quyền lợi,

nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được hoặc niêm yết bản sao bản án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, 7, 9 Luật thi hành án; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND quận Cẩm Lệ;
- Các đương sự;
- Chi cục THADS quận Cẩm Lệ;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Phan Văn Cường